

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 30; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 275; 280; 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.
Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở chính: 442, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T - Chức vụ: Giám đốc Xử lý nợ.

Văn bản ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/1/2022 của người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số 4, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người được ủy quyền lại:

Ông Trần Xuân Kh, sinh năm 1985 - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng A

Giấy ủy quyền số 10/UQ-CNTL.22 ngày 6/4/2022 của bà Phạm Thị T

Địa chỉ: Số 37A,, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông Trần Đăng H, sinh năm, sinh năm 1991 - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng A

Giấy ủy quyền số 10/UQ-CNTL.22 ngày 6/4/2022 của bà Phạm Thị T

Địa chỉ: Số 4 , phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Ông Tô Anh T, sinh năm 1979, Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982 (là vợ chồng).

Đều trú tại: Khối K, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Tô Anh T, bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ thanh toán, trả nợ cho Ngân hàng A với **tổng số tiền** tính đến ngày 15/9/2022 là 818.866.387 VNĐ (tám trăm mười tám triệu, tám trăm sáu sáu nghìn, ba trăm tám bảy đồng) đồng trong đó nợ gốc là 734.057.085VNĐ (bảy trăm ba bốn triệu, không trăm năm bảy nghìn, không trăm tám trăm năm nghìn), lãi trong hạn 17.667.945VNĐ (mười bảy triệu, sáu trăm sáu bảy nghìn, chín trăm bốn năm đồng), lãi quá hạn 67.141.357 (sáu bảy triệu, một trăm bốn một nghìn, ba trăm năm bảy đồng) **theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số THI.CN.1239.110717 ngày 12/7/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số THI.CN.3360.010321 ngày 03/3/2021; phụ lục hợp đồng số THI.CN.3360.010321/PL-01 ngày 03/3/2021; các khế ước nhận nợ số 330562749 ngày 03/3/2021; khế ước nhận nợ số 334231469 ngày 20/4/2021; khế ước nhận nợ số 342254829 ngày 20/8/2021 và thẻ tín dụng số thẻ 4791392550851337.**

Kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2022, ông T, bà Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong **Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số THI.CN.1239.110717; Hợp đồng cấp tín dụng số THI.CN.3360.010321; phụ lục hợp đồng số THI.CN.3360.010321/PL-01; các khế ước nhận nợ số 330562749 ngày 03/3/2021; khế ước nhận nợ số 334231469 ngày 20/4/2021; khế ước nhận nợ số 342254829 ngày 20/8/2021 và thẻ tín dụng số thẻ 4791392550851337** cho đến khi ông T, bà Ph thanh toán xong số tiền nợ gốc cho Ngân hàng A.

Trường hợp trong **Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số THI.CN.1239.110717; hợp đồng cấp tín dụng số THI.CN.3360.010321; phụ lục hợp đồng số THI.CN.3360.010321/PL-01; các khế ước nhận nợ số 330562749 ngày 03/3/2021; khế ước nhận nợ số 334231469 ngày 20/4/2021; khế ước nhận nợ số 342254829 ngày 20/8/2021 và thẻ tín dụng số thẻ 4791392550851337** mà các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà ông T, bà Ph phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

Trong trường hợp ông T, bà Ph không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên, thì ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và bao gồm tất cả các tài sản gắn liền với đất đang và sẽ hình

thành trong tương lai của ông T, bà Ph tại thửa số 45 tờ bản đồ 15, địa chỉ tại khối Kim Tân, phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD772824 do UBND thị xã Thái Hòa cấp ngày 17 tháng 10 năm 2016 mang tên bà Nguyễn Thị Ph với diện tích đất đo thực tế tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/8/2022 là 114,2m² (một trăm mười bốn phẩy hai mét vuông), (có sơ đồ kèm theo); (diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD772824 là 120,7m² (một trăm hai mươi phẩy bảy mét vuông); có sự chênh lệch diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 6,5 m² (sáu phẩy năm mét vuông) là do quá trình gia đình ông T, bà Ph và các hộ xung quanh xây dựng nhà ở đã làm thay đổi hiện trạng thửa đất nhưng không có tranh chấp).

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Tô Anh T, bà Nguyễn Thị Ph phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà còn thừa thì ngân hàng phải trả lại cho ông Tô Anh T, bà Nguyễn Thị Ph

Trường hợp ông Tô Anh T, bà Nguyễn Thị Ph trả hết số nợ trên thì Ngân hàng A phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD772824 do UBND thị xã Thái Hòa cấp ngày 17 tháng 10 năm 2016 mang tên bà Nguyễn Thị Ph cho ông Tô Anh T, bà Nguyễn Thị Ph.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Tô Anh T, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và phải hoàn trả lại cho ngân hàng TMCP A số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Án phí: Tô Anh T, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 18.282.996 đ (mười tám triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng) án phí KDTM ST.

Ngân hàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.839.416 đồng (mười bảy triệu, tám trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008616 ngày 20/6/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngoan